

Bản án số: 130/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Thành Phương

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long an tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2024/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lương Công Q, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp A xã L huyện C tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp B xã L huyện C tỉnh Long An.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lương Công Q trình bày:

Do quen biết nên ông và bà Huỳnh Thị B đã tổ chức cưới hỏi vào năm 1989, được gia đình 2 bên đồng ý nhưng không có đăng ký kết hôn vì bận công việc làm ăn. Sau khi cưới ông và bà B cất nhà sống riêng tại ấp A xã L huyện C tỉnh Long An. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế sa sút nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2012 ông và bà B không còn sống chung với nhau nữa, hiện nay bà B đang sống tại ấp B xã L huyện C. Từ năm 2012 ông và bà B không có gặp nhau cũng không bên nào có ý muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà B.

Về con chung: quá trình chung sống ông và bà B có 02 con chung tên Lương Huỳnh G, sinh năm 1994 và Lương Huỳnh N, sinh năm 1989, con chung hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Thị B trình bày: bà và ông Lương Công Q cưới nhau năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà và ông Q đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Từ đó đến nay bà và ông Q cũng không tìm cách hàn gắn tình cảm, tình cảm không còn. Nay ông Q yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung tên Lương Huỳnh G, sinh năm 1994 và Lương Huỳnh N, sinh năm 1989, con chung hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh P – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung: ông Lương Công Q xin ly hôn, bà Huỳnh Thị B đồng ý nhưng ông Q và bà B không có đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bà B. Về con chung: có 02 con chung tên Lương Huỳnh G, sinh năm 1994 và Lương Huỳnh N, sinh năm 1989, con chung hiện đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu. Đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lương Công Q và bà Huỳnh Thị B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay ông Q khởi kiện xin ly hôn làm phát sinh quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do bà Huỳnh Thị B hiện cư ngụ tại huyện C, tỉnh Long An nên khi ông Q có yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không kết quả. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông Lương Công Q và bà Huỳnh Thị B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Q và bà B.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lương Công Q, Hội đồng xét xử thấy:

Về hôn nhân: ông Q và bà B do quen biết, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, có làm đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2012 cho đến nay thì ông Q và bà B không còn chung sống với nhau. Ông Q nhận thấy tình cảm không còn nên xin ly hôn. Trước yêu cầu xin ly hôn của ông Q thì bà B đồng ý. Tuy nhiên, ông Q và bà B chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn vì vậy đây là quan hệ hôn nhân không được pháp luật công nhận. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Q và bà B là vợ chồng là phù hợp theo Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: quá trình chung sống ông Q và bà B có 02 con chung tên Lương Huỳnh G, sinh năm 1994 và Lương Huỳnh N, sinh năm 1989, con chung hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Q và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] LỜI ĐỀ NGHỊ CỦA ĐẠI DIỆN VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN C LÀ CÓ CƠ SỞ.

[9] Về án phí: ông Lương Công Q thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Lương Công Q và bà Huỳnh Thị B là vợ chồng.

Về con chung: công nhận ông Lương Công Q và bà Huỳnh Thị B có 02 (hai) con chung là Lương Huỳnh G, sinh năm 1994 và Lương Huỳnh N, sinh năm 1989. Hiện con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Lương Công Q và bà Huỳnh Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: ông Lương Công Q không phải chịu án phí do được miễn tạm ứng án phí, án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, ông Lương Công Q và bà Huỳnh Thị B vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- UBND xã L, L
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm

